

V/v hướng dẫn triển khai thu học phí,
cấp bù và hỗ trợ chi phí học tập cho
học sinh, sinh viên

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ “Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh Xã hội “hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính Phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015”;

Căn cứ Công văn số 3874/BGDĐT-KHTC ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “về việc trả lời việc phân vùng thu học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP”;

Thực hiện Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND, ngày 10/12/2010 của Hội đồng Nhân dân tỉnh quy định về mức thu học phí đối với học sinh ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 trên địa bàn tỉnh; Sau khi xem xét Tờ trình số 382/TTrLS, ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo – Tài chính – Lao động Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố và các Sở, Ban, Ngành chỉ đạo triển khai thu học phí, cấp bù học phí cho các đối tượng miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên như sau:

1. Đối tượng được miễn, giảm học phí:

Gồm trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên (bao gồm cả học viên học bổ túc THCS, THPT trong độ tuổi phổ thông thuộc các TTGD TX) cụ thể các đối tượng được qui định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định 49/2010/NĐ-CP. Trong đó trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên có cha mẹ, thường trú tại các xã

vùng cao (trừ học sinh, sinh viên thường trú tại xã Hòa Thắng thành phố Buôn Ma Thuột, các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, Thị xã Buôn Hồ và thị trấn các huyện trong tỉnh).

2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

Gồm 3 đối tượng theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 49/2010/NĐ-CP. Trong đó trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông (bao gồm cả học viên học bổ túc THCS, THPT trong độ tuổi phổ thông thuộc các TTGD TX) có cha mẹ, thường trú tại các xã vùng cao (trừ học sinh, sinh viên thường trú tại xã Hòa Thắng thành phố Buôn Ma Thuột, các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và thị trấn các huyện trong tỉnh).

3. Trách nhiệm chi trả cấp bù học phí:

a) *Cấp bù học phí đối các cơ sở giáo dục (mầm non, THCS, THPT, TTGD TX) công lập:*

Cơ quan tài chính cấp cho các cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý tài chính hiện hành. Trên cơ sở số hồ sơ nhà trường quản lý, số lượng học sinh được miễn, giảm các trường (mầm non, THCS, THPT, TTGD TX) công lập lập dự toán kinh phí để cấp bù ((học sinh không phải làm đơn, không phải phô tô hộ khẩu. Riêng đối với xã Hòa Thắng, các phường và thị trấn, học sinh thuộc đối tượng chính sách nếu được miễn hoặc giảm học phí vẫn phải làm đơn và có giấy tờ kèm theo đúng quy định).

b) *Cấp bù học phí đối với học sinh mầm non, học sinh THCS, THPT ngoài công lập thuộc đối tượng được hưởng:*

- Đối với học sinh học trong tỉnh:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho nhà trường cấp bù học phí cho cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ học sinh THPT ngoài công lập trong tỉnh.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo ủy quyền cho các cơ sở giáo dục cấp bù học phí cho cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ học sinh ngoài công lập cho trẻ em học mầm non, học sinh THCS trong tỉnh.

- Đối với học sinh học ngoại tỉnh:

+ Phòng Tài chính kế hoạch huyện, thị xã, thành phố cấp kinh phí cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý, quyết toán kinh phí và ủy quyền cho UBND xã, phường, thị trấn tổ chức chi trả trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh mầm non, học sinh THCS, THPT ngoài công lập thuộc đối tượng được hưởng đang học ngoại tỉnh.

4. Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập:

- Phòng Tài chính kế hoạch huyện, thị xã, thành phố cấp kinh phí cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý, quyết toán kinh phí và ủy quyền cho UBND xã, phường, thị trấn tổ chức chi trả trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của đối tượng được hưởng.

5. Hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng quy định tại Điều 6 của Nghị định 49/2010/NĐ-CP:

- Phòng Tài chính kế hoạch huyện, thị xã, thành phố cấp kinh phí cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Cấp sách giáo khoa và vở viết cho học sinh là người dân tộc thiểu số và học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo Công văn số 3197/UBND-VHXH, ngày 01/7/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk “về việc hướng dẫn triển khai chủ trương mua SGK, vở viết cho học sinh DTTS và xã ĐBKK”.

- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm quản lý, quyết toán kinh phí và ủy quyền cho các cơ sở giáo dục tổ chức chi trả trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ của các đối tượng mầm non, phổ thông thuộc đối tượng được hưởng và chi hỗ trợ số tiền còn lại sau khi đã trừ phần kinh phí mua sách giáo khoa, vở viết, các đồ dùng khác cho học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

- Đối với học sinh (mầm non, phổ thông) có cha mẹ thường trú tại tỉnh, nếu thuộc đối tượng được hưởng đang học ngoại tỉnh, khoản tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh THPT, học sinh Mầm non, tiểu học, THCS do phòng Lao động – Thương binh và Xã hội ủy quyền cho UBND xã chi trả cho cha mẹ hoặc người giám hộ của đối tượng được hưởng.

- Đối với học sinh, sinh viên đã được hưởng các chính sách khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất (học sinh được hưởng chế độ nội trú, bán trú thuộc các trường PTDTNT, trường PTDTBT, Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trẻ khuyết tật và các trường khác... đã được hưởng học bổng học sinh theo quy định, đối với học sinh mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc các đối tượng được hưởng hỗ trợ của ngân sách Nhà nước tại Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II và Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức đầu tư năm 2010 đối với một số dự án thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 và sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II thì vẫn tiếp tục thực hiện đến hết tháng 5 năm 2011. Từ ngày 01 tháng 9 năm 2011 được thực hiện mức hỗ trợ theo Nghị định này. Lưu ý khi thực hiện Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC, ngày 20/11/2006 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính “ hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con họ” thì xem xét thực hiện mức trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập ở mức cao nhất, không cấp trùng...)

09537277

6. Thời điểm thực hiện:

Năm 2010, 2011:

a) Cấp bù học phí cho các trường mầm non, phổ thông công lập và hỗ trợ tiền miễn, giảm học phí học sinh mầm non, phổ thông ngoài công lập từ tháng 1/9/2010 (đối với năm 2010 cấp 4 tháng theo mức thu học phí tại Quyết định 3719/QĐ-UBND, ngày 27/12/2000 của UBND tỉnh về việc thu và sử dụng học phí trong trường học) nhằm đảm bảo chi phí cho hoạt động giáo dục.

b) Hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng học sinh phổ thông, mầm non từ tháng 1/1/2011 (nếu đối tượng học sinh phổ thông, mầm non được hưởng mức hỗ trợ theo Quyết định số 112/2007/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 7 năm 2007; Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 8 năm 2009 thì được hưởng kể từ ngày 1/9/2011).

c) Cấp Hỗ trợ miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập:

- Hệ chính quy:

+ Đối với học sinh các trường trung cấp chuyên nghiệp trong tỉnh: Cấp hỗ trợ miễn, giảm học phí năm 2010 theo mức tại Quyết định 3719/QĐ-UBND, ngày 27/12/2000 của UBND tỉnh về việc thu và sử dụng học phí trong trường học.

+ Cấp hỗ trợ miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập năm 2011 theo mức thu học phí nhưng không được vượt quá mức trần học phí quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP. Năm 2010 cấp theo số tháng thực học (tối đa 05 tháng). Cán bộ công chức đi học đã được hỗ trợ học phí và chi phí học tập theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC, ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính nên không được cấp bù học phí.

- Học sinh, sinh viên học nghề thường xuyên, đào tạo ngắn hạn (lĩnh vực dạy nghề): Cấp theo số tháng thực học, tối đa không quá 6 tháng đối với năm học 2010.

7. Nguồn kinh phí cấp:

Nguồn kinh phí cấp hỗ trợ chi phí học tập và cấp hỗ trợ miễn, giảm học phí được xếp thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên các huyện khó khăn (Lắk, Krông Bông, Ea súp, M' Đrăk, Buôn Đôn).
- Các xã đặc biệt khó khăn
- Các đối tượng thuộc diện chính sách, hộ nghèo, dân tộc thiểu số.
- Học sinh, sinh viên cuối cấp.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Sở Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan phối hợp thực hiện đúng quy định hiện hành. Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn và qui định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP, và Thông tư liên tịch số 29/ 2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn vướng mắc đề

ngợi phản ảnh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương và Xã hội để tham mưu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND tỉnh(đ/c Y Dễm);
- CVP, PCVP(đ/c Bình);
- TTTT&CB, TCTM, TH;
- Lưu VT, VX(T.32)..

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dễm Ênuôl